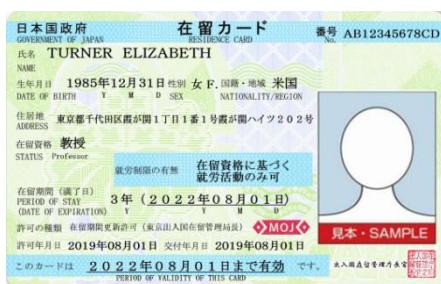


Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

1. Thẻ cư trú

Đây là chứng minh thư nhận dạng cá nhân của người nước ngoài sinh sống tại Nhật Bản. Trên đó có ghi các chi tiết của bản sắc cá nhân chủ sở hữu, khoảng thời gian có thể ở tại Nhật Bản (thời gian cư trú), hoạt động có thể tiến hành tại Nhật Bản (tư cách cư trú) v.v...



- Người từ 16 tuổi trở lên phải luôn đem theo người.
- Đây cũng là chứng minh thư nhận dạng cá nhân xuất trình khi làm các thủ tục tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố và ký kết hợp đồng.

Đối tượng cấp Thẻ cư trú

Thẻ cư trú được cấp cho người nước ngoài cư trú tại Nhật Bản trên 3 tháng. (Đối tượng cấp Thẻ cư trú được gọi là “Người cư trú trung, dài hạn”.)

[6 trường hợp không được cấp Thẻ cư trú]

- ① Người có thời gian cư trú là “3 tháng” trở xuống
- ② Người có tư cách cư trú là “Cư trú ngắn hạn”
- ③ Người có tư cách cư trú là “Ngoại giao” hoặc “Công vụ”
- ④ Nhân viên Văn phòng tại Nhật Bản của Hiệp hội Quan hệ Đài Loan – Nhật Bản (Văn phòng đại diện kinh tế và văn hóa Đài Bắc tại Nhật Bản v.v...) hoặc Cơ quan đại diện thường trực của Palestine tại Nhật Bản có tư cách cư trú là “Hoạt động đặc định” và gia đình của họ
- ⑤ Người vĩnh trú đặc biệt
- ⑥ Người không có tư cách cư trú

1-1. Cấp Thẻ cư trú

Thời kỳ được cấp thẻ cư trú chủ yếu như dưới đây.

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

- ① Khi được cho phép nhập cảnh mới tại Sân bay Narita, Sân bay Haneda, Sân bay Chubu, Sân bay Kansai, Sân bay New Chitose, Sân bay Hiroshima và Sân bay Fukuoka
 - Thẻ cư trú được cấp tại sân bay.
- ② Khi được cho phép nhập cảnh mới tại sân bay và cảng biển không nêu trong mục ①
 - Sau khi nhập cảnh vào Nhật Bản, hãy nộp “Thông báo chuyển đến” cho cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn sinh sống. Sau đó, Thẻ cư trú sẽ được gửi đến nhà bạn qua đường bưu điện.
- ③ Khi được cho phép gia hạn thời gian cư trú
 - Thẻ cư trú mới được cấp trong trường hợp trước khi hết hạn thời gian cư trú, bạn đã nộp Đơn xin gia hạn lưu trú (tham khảo mục 2-1.) cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương (Bao gồm chi cục và văn phòng chi nhánh. Dưới đây sẽ lược đi.) và được cho phép.
- ④ Khi được cho phép thay đổi tư cách cư trú
 - Thẻ cư trú mới được cấp trong trường hợp bạn muốn thay đổi mục đích cư trú tại Nhật Bản, đã nộp Đơn xin thay đổi tư cách cư trú (tham khảo mục 2-2.) cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương và được cho phép.
- ⑤ Khi được cho phép nhận Tư cách cư trú
 - Thẻ cư trú mới được cấp trong trường hợp trẻ em sinh ra tại Nhật Bản và không có quốc tịch Nhật Bản, muốn lưu trú liên tục hơn 60 ngày sau khi sinh, đã nộp Đơn xin cấp tư cách cư trú (tham khảo mục 2-4.) cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh và được cho phép.

1-2. Khai báo địa chỉ cư trú (thông báo chuyển đến)

Trong vòng 14 ngày kể từ ngày ấn định nơi sống (địa chỉ cư trú), người được cấp Thẻ cư trú phải khai báo địa chỉ cư trú (thông báo chuyển đến) tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi người đó sinh sống.

Để khai báo, cần Thẻ cư trú (trường hợp ① tại 1-1), hoặc Hộ chiếu (trường hợp ② tại 1-1) nên hãy nhớ đem theo.

→ Hãy tham khảo mục 1. 1-1. Khai báo địa chỉ trong Chương II.

1-3. Mất Thẻ cư trú

Xin cấp lại Thẻ cư trú tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương trong vòng 14 ngày kể từ ngày phát hiện việc đã làm mất Thẻ cư trú.

Thành phần hồ sơ

- Hộ chiếu
 - 1 tấm ảnh thẻ (dọc 4cm x ngang 3cm, chụp trong vòng 3 tháng, không yêu cầu đối với người dưới 16 tuổi)
 - Tài liệu chứng minh việc đã làm mất Thẻ cư trú (Giấy chứng minh khai báo mất đồ, Giấy chứng minh khai báo bị trộm cắp, Giấy chứng minh nạn nhân thảm họa v.v...)
 - Đơn xin cấp lại Thẻ cư trú
- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:
- http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/nyuukokukanri10_00010.html



1-4. Trả lại Thẻ cư trú

Trong những trường hợp dưới đây, cần phải trả lại Thẻ cư trú cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

Xuất cảnh đơn thuần (Xuất cảnh sau khi kết thúc hoạt động tại Nhật Bản)

- Hãy trả lại cho nhân viên thẩm tra nhập cảnh tại sân bay hoặc cảng biển khi xuất cảnh.

- Khi người thân hoặc người chung sống tử vong
- Khi được cấp phép tái nhập cảnh (đặc biệt) nhưng không tái nhập cảnh trong thời gian cho phép tái nhập cảnh (đặc biệt) còn hiệu lực
- Khi nhận được quốc tịch Nhật Bản

Trong vòng 14 ngày, hãy trả lại bằng một trong những phương pháp dưới đây.

- Đem đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương gần đó.
- Gửi bưu điện đến địa chỉ dưới đây.

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

Địa chỉ gửi đến: 2-7-11, Aomi, Koto-ku, Tokyo, 135-0064, Tokyo Kowan Godo Chosha 9F, Tokyo Nyukoku Kanrikyoku Odaiba Bunshitsu [Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Tokyo, Văn phòng chi nhánh Odaiba] (Bên ngoài phong bì hãy ghi: “Zairyu card henno (Trả lại Thẻ cư trú)”.)



▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/nyuukokukanri10_00020.html

2. Thủ tục liên quan đến tư cách cư trú

2-1. Gia hạn thời gian cư trú (khi muốn kéo dài thời hạn cư trú)

Trường hợp muốn tiếp tục cư trú tại Nhật Bản lâu hơn thời gian cư trú đang được cho phép, cần nộp hồ sơ xin gia hạn thời gian cư trú cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

Thành phần hồ sơ

- Hộ chiếu
- Thẻ cư trú (trường hợp đã được cấp)
- 1 tấm ảnh thẻ (dọc 4cm x ngang 3cm, chụp trong vòng 3 tháng, không yêu cầu đối với người dưới 16 tuổi)
- Đơn xin cấp phép gia hạn thời gian cư trú
<http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-3-1.html>
- Tài liệu làm rõ các hoạt động dự kiến v.v...
http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/shin_zairyu_koshin10_01.html



2-2. Thay đổi tư cách cư trú (khi thay đổi mục đích cư trú tại Nhật Bản)

Trường hợp muốn thay đổi mục đích cư trú, cần nộp hồ sơ xin thay đổi tư cách cư trú cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

Thành phần hồ sơ

- Hộ chiếu
- Thẻ cư trú (trường hợp đã được cấp)

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

- 1 tấm ảnh thẻ (dọc 4cm x ngang 3cm, chụp trong vòng 3 tháng, không yêu cầu đổi với người dưới 16 tuổi)
- Đơn xin cấp phép thay đổi tư cách cư trú
<http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-2-1.html>
- Tài liệu làm rõ các hoạt động dự kiến v.v...
http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/zairyu_henko10.html



2-3. Cấp phép vĩnh trú

Người muốn vĩnh trú tại Nhật Bản cần nộp hồ sơ xin cấp phép vĩnh trú. Trường hợp được cho phép vĩnh trú, không có giới hạn đối với hoạt động và thời gian cư trú tại Nhật Bản, và không cần thực hiện thủ tục gia hạn thời gian cư trú hay thủ tục thay đổi tư cách cư trú.

Thành phần hồ sơ

- Hộ chiếu
 - Thẻ cư trú
 - 1 tấm ảnh thẻ (dọc 4cm x ngang 3cm, chụp trong vòng 3 tháng, không yêu cầu đổi với người dưới 16 tuổi)
 - Đơn xin cấp phép vĩnh trú
 - Các tài liệu khác
- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:
- <http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-4.html>



2-4. Nhận tư cách cư trú (trường hợp trẻ em được sinh ra)



Trường hợp trẻ em sinh ra tại Nhật Bản và không có quốc tịch Nhật Bản, khi muốn lưu trú liên tục hơn 60 ngày sau khi sinh, cần nộp Đơn xin cấp tư cách cư trú cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh.

- * Vì cần các tài liệu bao gồm “Giấy chứng minh các mục ghi trên thông báo khai sinh” như giải thích dưới đây, nên hãy hoàn thành thủ tục thông báo khai sinh tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố trước rồi mới tiến hành thủ tục này tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

→ Hãy tham khảo mục 2. 2-1. Thông báo khai sinh trong Chương IV.


Thành phần hồ sơ

- Hộ chiếu (trường hợp đã được cấp)
- Đơn xin cấp tư cách cư trú
<http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-10.html> 
- Văn bản chứng minh việc đã sinh, ví dụ như Giấy chứng minh các mục ghi trên thông báo khai sinh (Có thể nhận tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố)
- Tài liệu làm rõ nội dung các hoạt động dự kiến
http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/zairyu_henko10.html 
- Bản sao Phiếu chứng nhận cư trú hoặc Giấy chứng minh các mục ghi trên Phiếu chứng nhận cư trú (Có thể nhận tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố)

2-5. Cấp phép hoạt động ngoài tư cách cư trú

Trường hợp muốn làm công việc ngoài phạm vi tư cách cư trú là tư cách cư trú không được lao động (du học, đoàn tụ gia đình v.v...), hoặc phạm vi lao động đã ấn định và có thu nhập hoặc thù lao, cần nộp đơn cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương và được cấp phép hoạt động ngoài tư cách cư trú (Hãy xác nhận tại mục 1. 1-1. Tư cách cư trú trong chương III để biết tư cách cư trú của bản thân được phép lao động đến mức nào.)

Thành phần hồ sơ

- Hộ chiếu
 - Thẻ cư trú
 - Đơn xin cấp phép hoạt động ngoài Tư cách cư trú
 - Tài liệu làm rõ các hoạt động để có thu nhập hoặc thù lao
- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:
- <http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-8.html> 

2-6. Khai báo với Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương

Trong số những người có Thẻ cư trú, người có tư cách cư trú nêu dưới đây có thay đổi cơ quan trực thuộc v.v... thì cần khai báo với Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

(1) Khai báo liên quan đến cơ quan hoạt động

Tư cách cư trú cần khai báo

Giáo sư, Chuyên gia có kỹ năng cao loại (i) (c), Chuyên gia có kỹ năng cao loại (ii) (trường hợp tham gia vào các hoạt động được liệt kê trong (ii) (c)), Quản trị/quản lý, Công việc pháp lý/kế toán, Y tế, Giáo dục, Chuyển công tác nội bộ, Thực tập kỹ thuật, Du học, Học viên khóa đào tạo.

Nội dung cần khai báo

- Khi cơ quan hoạt động thay đổi tên gọi
- Khi cơ quan hoạt động thay đổi địa chỉ
- Khi cơ quan hoạt động giải thể
- Khi rời khỏi cơ quan hoạt động
- Khi chuyển khỏi cơ quan hoạt động

Thời gian khai báo

Hãy khai báo trong vòng 14 ngày.

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/nyuukokukanri10_00014.html



(2) Khai báo liên quan đến cơ quan hợp đồng

Tư cách cư trú cần khai báo

Chuyên gia có kỹ năng cao loại (i) (a), Chuyên gia có kỹ năng cao loại (i) (b), Chuyên gia có kỹ năng cao loại (ii) (trường hợp tham gia vào các hoạt động được liệt kê trong (ii) (a) hoặc (b)), Nghiên cứu, Công việc kỹ thuật/kiến thức nhân văn/quốc tế, Hộ lý, Giải trí (giới hạn trong trường hợp tham gia vào các hoạt động theo hợp đồng với cơ quan nhà nước hoặc tư nhân của Nhật Bản), Lao động có tay nghề, Lao động có tay nghề đặc định

Nội dung cần khai báo

- Khi cơ quan hợp đồng thay đổi tên gọi
- Khi cơ quan hợp đồng thay đổi địa chỉ
- Khi cơ quan hợp đồng giải thể
- Khi hợp đồng với cơ quan hợp đồng kết thúc
- Khi ký kết hợp đồng mới với cơ quan hợp đồng

Thời gian khai báo

Hãy khai báo trong vòng 14 ngày.

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/nyuukokukanri10_00015.html



(3) Khai báo liên quan đến người phối ngẫu

Tư cách cư trú cần khai báo

Là người phối ngẫu trong trường hợp tư cách cư trú đoàn tụ gia đình, vợ/chồng/con của người có quốc tịch Nhật Bản, vợ/chồng/con của người vĩnh trú

Nội dung cần khai báo

- Ly hôn với người phối ngẫu
- Người phối ngẫu tử vong

Thời gian khai báo

Hãy khai báo trong vòng 14 ngày.

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/nyuukokukanri10_00016.html



Những khai báo này có thể thực hiện khai báo điện tử qua internet.

- ▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/publications/materials/i-ens_index.html



Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

- Một điểm quan trọng Cơ chế ưu đãi dựa trên việc chấm điểm đối với chuyên gia nước ngoài có kỹ năng cao

Người nước ngoài có năng lực và phẩm chất cao, có khả năng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế v.v... của Nhật Bản được hưởng ưu đãi về nội dung hoạt động và thời gian cư trú tại Nhật Bản.

Điểm được đặt ra theo từng mục như “Trình độ học vấn”, “Kinh nghiệm làm việc”, “Tuổi” v.v... tương ứng với đặc tính của hoạt động. Người nộp đơn cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương, tổng điểm đạt 70 điểm trở lên và được công nhận là “Chuyên gia nước ngoài có kỹ năng cao” thì có thể hưởng ưu đãi dưới đây.

- Cho phép nhiều hoạt động cư trú
- Cấp thời gian cư trú dài nhất: “5 năm”
- Trong số các điều kiện cấp phép vĩnh trú, được nói lỏng điều kiện liên quan đến thời gian cư trú tại Nhật Bản



▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/publications/materials/newimmiact_3_index.html

3. Cấp phép tái nhập cảnh (duy trì tư cách cư trú hiện tại và nhập cảnh lại vào Nhật Bản)

Khi xuất cảnh khỏi Nhật Bản, nếu sử dụng cơ chế tái nhập cảnh trong thời gian được chấp thuận thì có thể tái nhập cảnh lại vào Nhật Bản mà vẫn duy trì tư cách cư trú và thời gian cư trú hiện tại.

(1) Cấp phép tái nhập cảnh đặc biệt (trường hợp quay lại Nhật Bản trong vòng 1 năm)

Trường hợp người có Thẻ cư trú và Hộ chiếu còn hiệu lực xuất cảnh khỏi Nhật Bản và quay lại Nhật Bản trong vòng 1 năm (trường hợp thời hạn cư trú còn dưới 1 năm thì đến ngày thời hạn cư trú hết hạn), trước đó không cần xin cấp phép tái nhập cảnh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương.

(2) Cấp phép tái nhập cảnh (trường hợp rời Nhật Bản hơn 1 năm)

Có thể tái nhập cảnh mà vẫn duy trì tư cách cư trú và thời gian cư trú hiện tại bằng cách nộp đơn xin cấp phép tái nhập cảnh trước tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa

phương gần nhất. (Dài nhất là 5 năm. Trường hợp thời hạn cư trú còn dưới 5 năm thì đến ngày thời hạn cư trú hết hạn).

▀ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

<http://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-5.html>



4. Thủ tục công nhận người tị nạn

Nhật Bản tham gia Công ước về người tị nạn v.v... (Công ước về vị thế của người tị nạn và Nghị định thư về vị thế của người tị nạn), công nhận người tị nạn được định nghĩa tại Công nước này v.v... và thực hiện các biện pháp bảo vệ cho người tị nạn.

4-1. Định nghĩa “Người tị nạn”

Người tị nạn là đối tượng áp dụng của Công ước về người tị nạn theo quy định tại Điều 1 của Công ước về vị thế của người tị nạn hoặc Điều 1 của Nghị định thư về vị thế của người tị nạn, được định nghĩa như dưới đây.

- Một người có sự sợ hãi có cơ sở bị ngược đãi vì những lý do chủng tộc, tôn giáo, dân tộc, hoặc do là thành viên của một nhóm xã hội cụ thể nào đó, hay vì quan điểm chính trị, đang ở ngoài đất nước mà người đó có quốc tịch và không thể, hoặc, do sự sợ hãi như vậy nên không muốn tiếp nhận sự bảo vệ của quốc gia đó.

4-2. Về việc xin công nhận người tị nạn

- Xin công nhận người tị nạn là cơ chế để người tị nạn đã chạy trốn khỏi đất nước của mình (tham khảo mục 4-1.) và tìm kiếm sự bảo vệ từ Nhật Bản. Người nước ngoài tại Nhật Bản có thể tiến hành nộp đơn xin công nhận tị nạn. Người nước ngoài được công nhận là người tị nạn sẽ được cấp Giấy chứng nhận người tị nạn và được cấp phép cư trú “Thường trú nhân” v.v...
- Căn cứ vào hồ sơ xin công nhận người tị nạn, người nước ngoài được công nhận là người tị nạn có thể được cấp Giấy thông hành tị nạn như giấy tờ đi lại thay cho hộ chiếu.
- Người nước ngoài được công nhận là người tị nạn và gia đình của người này có thể tham gia “Chương trình hỗ trợ thường trú” bao gồm giảng dạy tiếng Nhật và hướng dẫn sinh sống tại Nhật Bản, giới thiệu công việc v.v...

4-3. Đề nghị thẩm tra

Nếu không thỏa mãn với quyết định không công nhận là người tị nạn v.v..., có thể đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thẩm tra.

Khi đưa ra quyết định đối với đề nghị thẩm tra, Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ tham khảo ý kiến của các Cố vấn thẩm tra người tị nạn. Cố vấn thẩm tra người tị nạn là người có kiến thức về luật pháp và các vấn đề quốc tế v.v...

▣ Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy xác nhận tại trang chủ dưới đây:

http://www.moj.go.jp/isa/applications/guide/nanmin_tetuduki.html



5. Thủ tục trục xuất v.v...

5-1. Lý do trục xuất chủ yếu

- Lưu lại Nhật Bản quá thời gian cư trú (Kể cả quá 1 ngày cũng bị coi là lưu lại bất hợp pháp và trở thành đối tượng của thủ tục trục xuất. Do vậy, hãy chú ý.)
- Không được cấp phép hoạt động ngoài tư cách cư trú nhưng lại thực hiện hoạt động ngoài tư cách cư trú đang có, và có thu nhập hoặc thù lao.
- Trường hợp chịu hình phạt hình sự nhất định

5-2. Trường hợp bị trục xuất

Trường hợp bị trục xuất sau khi Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương tiến hành điều tra, theo nguyên tắc, sẽ không thể nhập cảnh vào Nhật Bản trong 5 năm hoặc 10 năm. Ngoài ra, trường hợp bị trục xuất do chịu hình phạt hình sự nhất định, theo nguyên tắc, sẽ không thể nhập cảnh vào Nhật Bản nữa.

5-3. Cơ chế lệnh trục xuất

Đây là cơ chế một người lưu lại bất hợp pháp xuất cảnh thông qua thủ tục rút gọn mà không bị giam giữ nếu thỏa mãn tất cả điều kiện dưới đây.

Trường hợp đã xuất cảnh theo cơ chế lệnh trục xuất, theo nguyên tắc, sẽ không thể nhập cảnh vào Nhật Bản trong 1 năm.

Điều kiện của cơ chế lệnh trục xuất

Để cơ chế lệnh trục xuất được áp dụng, cần thỏa mãn các điều kiện dưới đây.

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

- Tự đầu thú tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương với ý định xuất cảnh khỏi Nhật Bản
- Không bị trục xuất vì bất cứ lý do nào khác ngoài việc lưu lại bất hợp pháp
- Không bị phạt tù kèm theo hoặc không kèm theo chế tài cải tạo lao động do một số tội nhất định ví dụ như trộm cắp v.v... tại Nhật Bản
- Chưa từng bị trục xuất trong quá khứ
- Chưa từng xuất cảnh theo lệnh trục xuất
- Dự kiến chắc chắn sẽ nhanh chóng xuất cảnh khỏi Nhật Bản

5-4. Cấp phép đặc biệt để cư trú tại Nhật Bản

Ngay cả khi các thủ tục trục xuất được thực hiện, cũng có trường hợp được Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp phép đặc biệt để cư trú trên cơ sở xem xét quá trình sinh sống tại Nhật Bản và hoàn cảnh gia đình v.v...

6. Địa chỉ liên hệ về thủ tục xuất nhập cảnh và cư trú v.v...

>>> Phòng Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú địa phương

Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Sapporo	12 Chome Odorinishi, Chuo-ku, Sapporo, Hokkaido, 060-0042	Điện thoại: 011-261-7502 (đại diện)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Sendai	1-3-20 Gorin, Miyagino-ku, Sendai, Miyagi, 983-0842	Điện thoại: 022-256-6076 (đại diện)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Tokyo	5-5-30 Konan, Minato-ku, Tokyo, 108-8255	Điện thoại: 0570-034-259 (từ điện thoại IP, nước ngoài: 03-5796-7234)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Tokyo – Văn phòng chi nhánh Yotsuya	Tầng 14, tòa nhà Yotsuya, 1-6-1, Yotsuya, Shinjuku-ku, Tokyo, 160-0004	Điện thoại: 0570-011000 (số máy lẻ: 8) (từ điện thoại IP, nước ngoài: 03-5363-3013)
	Bộ phận thông tin Quản lý cư trú	Khai báo liên quan đến cơ quan trực thuộc, v.v..., Điện thoại: 03-5363-3032

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

		khai báo bởi cơ quan trực thuộc	
		Thủ tục xin cư trú trực tuyến	Điện thoại: 03-5363-3030
	Bộ phận quản lý thông tin	Quản lý hồ sơ thẩm tra	Điện thoại: 03-5363-3039
Chi cục sân bay Narita	Tầng 6, nhà ga số 2, sân bay quốc tế Narita, 1-1 Furugome, Narita, Chiba, 282-0004 (Bộ phận quản lý thẩm tra)		Điện thoại: 0476-34-2222 (đại diện) Điện thoại: 0476-34-2211
Chi cục sân bay Haneda	Tòa CIQ, 2-6-4 sân bay Haneda, Ota-ku, Tokyo, 144- 0041		Điện thoại: 03-5708-3202 (đại diện)
Chi cục Yokohama	10-7 Torihama-cho, Kanazawa-ku, Yokohama, Kanagawa, 236-0002		Điện thoại: 0570-045259 (từ điện thoại IP, nước ngoài: 045-769-1729)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Nagoya	5-18, Shoho-cho, Minato-ku, Nagoya, Aichi, 455-8601		Điện thoại: 052-559-2150 (đại diện)
Chi cục sân bay Chubu	Trong tòa CIQ, 1-1 Centrait, Tokoname, Aichi, 479-0881		Điện thoại: 0569-38-7410 (đại diện)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Osaka	1-29-53, Nankokita, Suminoe-ku, Osaka, 559- 0034		Điện thoại: 06-4703-2100 (đại diện)
Chi cục sân bay Kansai	1 Senshukukonaka, Tajiri- cho, Sennan-gun, Osaka, 549-0011		Điện thoại: 072-455-1453 (đại diện)
Chi cục Kobe	29 Kaigandori, Chuo-ku, Kobe, Hyogo, 650-0024		Điện thoại: 078-391-6377 (đại diện)

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Hiroshima	2-31 Kamihatchobori, Naka-ku, Hiroshima, 730-0012	Điện thoại: 082-221-4411 (đại diện)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Takamatsu	1-1 Marunouchi, Takamatsu, Kagawa, 760-0033	Điện thoại: 087-822-5852 (đại diện)
Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Fukuoka	3-5-25 Maizuru, Chuo-ku, Fukuoka, 810-0073	Điện thoại: 092-717-5420 (đại diện)
Chi cục Naha	1-15-15 Higawa, Naha, Okinawa, 900-0022	Điện thoại: 098-832-4185 (đại diện)
Trung tâm quản lý nhập cảnh Đông Nhật Bản	1766-1 Kuno-cho, Ushiku, Ibaraki, 300-1288	Điện thoại: 029-875-1291 (đại diện)
Trung tâm quản lý nhập cảnh Omura	644-3 Kogashimamachi, Omura, Nagasaki, 856-0817	Điện thoại: 0957-52-2121 (đại diện)

>>>Trung tâm hỗ trợ cư trú cho người nước ngoài

Trung tâm hỗ trợ cư trú cho người nước ngoài	Tầng 13, tòa nhà Yotsuya, 1-6-1, Yotsuya, Shinjuku-ku, Tokyo, 160-0004	Điện thoại: 0570-011000 (từ điện thoại IP, nước ngoài: 03-5363-3013)
--	--	---

>>>Trung tâm thông tin

Trung tâm thông tin tổng hợp về cư trú dành cho người nước ngoài	Bố trí tại: Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Sendai, Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Tokyo, Chi cục Yokohama trực thuộc Cục trên, Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Nagoya, Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Osaka, Chi cục Kobe trực thuộc Cục trên, Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Hiroshima và Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Fukuoka	Điện thoại: 0570-013904 (từ điện thoại IP,
Nơi bố trí tư vấn viên	Bố trí tại: Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Sapporo, Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú	PHS, nước ngoài:

Chương I. Thủ tục nhập cảnh, cư trú

	Takamatsu và Chi cục Naha trực thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú Fukuoka	03-5796-7112)
--	---	---------------